

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HS - ST  
Ngày 20/3/2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Lý Văn Chính;

2/ Ông Hứa Đình Hiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST - HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

**Đào Văn H** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990 tại tỉnh Cà Mau; nơi ĐKKHTT: Ấp X, xã H, huyện Th, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay: Tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Đào Văn Ngh (Đã chết) và bà: Ngô Thanh T (Đã chết); vợ; con: Chưa có; tiền sự: Không.

**Tiền án:** Có 03 tiền án. Bản án số 55/2011/HSPT ngày 30/5/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt Đào Văn H 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Bản án số 240/2014/HSST ngày 18/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Đào Văn H 02 (hai) năm sáu (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”; Bản án số 48/2018/HSPT ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt Đào Văn H 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

**Bị cáo tại ngoại.** Có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bị hại:* Chị **Đinh Thị Gi**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **Nguyễn Xuân Tr**, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Ph, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị **Đào Kim Tr**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do. Có mặt.

+ Ông **La Hữu H**, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn N, xã N1, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông **Vũ Văn H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 11, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông **Vũ Thanh T**, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 7, Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh **Lý Thanh T1**, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do. **Có mặt.**

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 ngày 21/9/2023, Đào Văn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F2-5987 đến khu vực tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, H nhìn thấy quán cắt tóc gội đầu của chị Đinh Thị Gi (Sinh năm 1986, trú tại: Thôn Ph, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) mở cửa nên H dừng xe và đi vào trong quán. Lúc này chị Gi đang ngủ trưa ở trong quán và để 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng cắm sạc để ở bàn thứ 3, phía bên phải từ ngoài vào, gần bàn gội đầu nơi chị Gi nằm, nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên. H dùng tay rút điện thoại ra khỏi dây sạc và cầm lấy chiếc điện thoại cho vào trong túi quần rồi đi ra khỏi quán, sau đó H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F2-5987 đến cửa hàng điện thoại B thuộc tổ 6, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để bán điện thoại, tuy nhiên do không mở được mật khẩu mở máy nên H không bán được chiếc điện thoại trên. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97F2-5987 mang theo chiếc điện thoại di động trên đến cửa hàng điện thoại Th thuộc tổ 7, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn gặp anh Hoàng Thanh T (Sinh năm 1997, trú tại thôn Kh, xã M, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) là nhân viên cửa hàng điện thoại Th và nói là đã quên mật khẩu điện thoại nên không mở được điện thoại và nhờ anh T mở mật khẩu chiếc điện thoại di động nhưng anh T nói là không mở được mật khẩu nên H hỏi anh T có thu mua lại chiếc điện thoại di động không, anh T đồng ý và mua chiếc điện thoại di động trên với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Sau khi bán chiếc điện thoại di động trên, H cầm số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) cho vào trong túi quần sau đó điều khiển xe mô tô đi vào thị trấn B, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn để làm sơn công trình cùng với anh rể là Lý Thanh T1 (Sinh năm 1991, trú tại Tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn). Trên đường đi từ thành phố B đến huyện Ch, H làm rơi mất số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). **Sau khi phát hiện bị mất chiếc điện thoại di động, hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày, chị Đinh Thị Gi đến Công an phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn trình báo sự việc. Đến 19 giờ 30 ngày**

22/9/2022,  **khi biết sự việc đã bị phát hiện và nhận thức được hành vi lấy trộm chiếc điện thoại di động trên là vi phạm pháp luật, nên Đào Văn H đến Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đầu thú về hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp chiếc điện thoại di động nói trên cho cơ quan Công an để xử lý theo quy định.**

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 208/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 03/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố B, tỉnh Bắc Kạn kết luận: *“01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng, số IMEI: 357265093463675, IMEI: 357265093308656, điện thoại đã qua sử dụng. Giá trị tài sản là: 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng chẵn)”*.

Tại Cơ quan điều tra, Đào Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT - VKSTP ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Đào Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

**“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

...  
*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

...  
*g) Tái phạm nguy hiểm.*

...  
*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*.

**Tại phiên toà:**

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Đào Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn H từ 30 **đến 36 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đinh Thị Gi không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Thanh T, chị Đào Kim Tr, anh Lý Thanh T1, ông La Hữu H, ông Vũ Văn H, anh Nguyễn Xuân Tr không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự và không có yêu cầu gì liên quan đến việc xử lý vật chứng trong vụ án là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F2-5987. Do vậy đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. **Chuyển cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn 01** (một) chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 97F2-5987, dạng xe Dream, màu sơn nâu, số khung LXDXCGLOY00733131; số máy LC150FMG00733131, xe cũ đã qua sử dụng, để xử lý theo thẩm quyền.

Về án phí: **Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.**

- Bị cáo Đào Văn H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại chị Đinh Thị Gi vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày rõ ý kiến của mình. Về trách nhiệm dân sự: Chị Gi đã được trả lại tài sản là chiếc điện thoại di động bị mất trộm, nay chị Gi không có yêu cầu bồi thường dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Kim Tr có lời khai: Bị cáo H đã nhờ chị chuộc chiếc điện thoại di động về hộ bị cáo. Do vậy chị là người đã trả tiền cho anh Vũ Thanh T để chuộc chiếc điện thoại di động mà bị cáo H đã trộm cắp về đưa cho H giao nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho bị hại. Số tiền 1.000.000 đồng dùng để chuộc chiếc điện thoại di động là tiền của bị cáo H bỏ ra nhờ chị đi chuộc điện thoại hộ. Do vậy chị không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Thanh T1 có lời khai: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F2-5987 anh T mượn của anh Nguyễn Xuân Tr về để làm công trình. Ngày 21/9/2023, bị cáo H sử dụng chiếc xe này để đi trộm cắp tài sản thì anh không biết. Hiện nay anh T đã tự thoả thuận bồi thường cho anh Tr xong. Nay anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự cho anh đồng thời không có yêu cầu gì đối với việc xử lý chiếc xe mô tô trên, đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân Tr, ông La Hữu H, ông Vũ Văn H, anh Vũ Thanh T vắng mặt tại phiên toà nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn họ đều trình bày rõ không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F2-5987, có số khung LXDXCGLOY00733131; số máy LC150FMG00733131, đề nghị Toà án xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Đào Văn H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

**Khoảng 13 giờ** ngày 21/9/2023, tại tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Đào Văn H **đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01** (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, trị giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) của chị Đinh Thị Gi.

**Do ngày 30/5/2018, Đào Văn H đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự, đến ngày 31/3/2023, Đào Văn H mới chấp hành xong án phạt tù và chưa được xóa án tích thì ngày 21/9/2023 lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 6.000.000 đồng của người khác, nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì lần phạm tội này của bị cáo phải áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.**

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Có 03 tiền án đều về tội “Cướp giật tài sản”: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; năm 2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm sáu (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. **Đến năm 2018** lại bị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 31/3/2023, Đào Văn H chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích thì đến ngày 21/9/2023 lại thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nêu trên. Bị cáo đã bị xét xử và đi chấp hành án nhiều lần nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện thành công dân có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó thể hiện bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo, không có ý thức chấp hành pháp luật, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”; “**Người phạm tội thành khẩn khai báo**” theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi **sự việc đã bị phát hiện**, bị cáo đã đến Công an thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đầu thú về hành vi phạm tội của mình và người bị hại đã có ý kiến xin giảm nhẹ cho bị cáo do vậy bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành một mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là “phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, Bị hại chị Đinh Thị Gi không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Thanh T, chị Đào Kim Tr, anh Lý Thanh T1, ông La Hữu H, ông Vũ Văn H, anh Nguyễn Xuân Tr không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự và không có yêu cầu gì liên quan đến việc xử lý vật chứng trong vụ án là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F2-5987. Do vậy HĐXX không xem xét về trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 97F2-5987 do anh Nguyễn Xuân Tr mua lại của một cơ sở phế liệu để phục vụ việc chở đồ đi làm công trình xây dựng, anh Tr cho anh Lý Thanh T1 mượn để sử dụng đi lại. Trong ngày 21/9/2023, anh T có để chiếc xe mô tô nói trên ở nhà, nên Đào Văn H đã tự ý lấy xe mô tô đi và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Chiếc xe mô tô trên không có đăng ký xe mô tô, xe máy và đã được gắn biển kiểm soát 97F2-5987. Tiến hành tra cứu biển kiểm soát đối với xe mô tô trên có tên chủ xe đăng ký là Vũ Văn H (Sinh năm 1984, trú tại tổ 3, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn). Khoảng tháng 10/2002 anh H có mua 01 (một) chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 97F2-5987 nhưng sau đó đã bán cho một người không rõ tên, tuổi và địa chỉ. Tuy nhiên xe mô tô lại có số khung là LXDXCGLOY00733131; số máy là LC150FMG00733131 được đăng ký tên chủ xe là La Hữu H (Sinh năm 1956, trú tại thôn N, xã N1, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn), khoảng tháng 3/2002 ông H mua 01 (một) chiếc xe mô tô có số khung là LXDXCGLOY00733131; số máy là LC150FMG00733131, sau đó trong quá trình sử dụng do xe đã cũ, nát nên ông H bán chiếc xe cho một người không rõ tên tuổi và địa chỉ. Xét thấy chiếc xe mô tô **gắn biển kiểm soát 97F2-5987 đã tạm giữ trong vụ án** có nguồn gốc không rõ ràng nên cần **chuyển cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn** xử lý theo thẩm quyền.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Trong vụ án này, có anh Hoàng Thanh T là nhân viên và anh Vũ Thanh T là chủ cửa hàng điện thoại Th, quá trình điều tra xác định chiều ngày 21/9/2023 anh T đã trực tiếp mua 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng từ Đào Văn H, khi mua điện thoại H nói dối về nguồn gốc chiếc điện thoại di động với anh T, do đó anh T và anh T không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Hoàng Thanh T và anh Vũ Văn T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với anh Nguyễn Xuân Tr (Sinh năm 1990, trú tại Thôn Ph, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) và anh Lý Thanh T1 (Sinh năm 1991, trú tại Tổ P, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn). Anh Tr là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F2-5987 sau đó cho anh T mượn xe làm phương tiện đi lại, tuy nhiên ngày 21/9/2023 anh T đi làm và để chiếc xe mô tô nói trên tại nhà, nên Đào Văn H đã tự ý lấy xe đi và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Đinh Thị Gi. Buổi chiều ngày 21/9/2023, Đào Văn H điều khiển xe mô tô đi vào thị trấn B, huyện Ch nơi anh T làm việc, qua thông tin của anh Tr về vụ việc trộm cắp tài sản, anh T hỏi H thì H mới thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Sau đó đến ngày 22/9/2023 anh Lý Thanh T1 đã đưa Đào Văn H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để đầu thú. Căn cứ các tài liệu điều tra thu thập được, xác định: anh Nguyễn Xuân Tr và anh Lý Thanh T1 không biết và không tham gia giúp sức cho Đào Văn H trộm cắp tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra không đề nghị xem xét xử lý đối Nguyễn Xuân Tr và Lý Thanh T1 là đúng quy định.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Đào Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn H **36 (Ba mươi sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

**2. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

**Chuyển cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn** 01 (một) chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 97F2-5987, dạng xe Dream, màu sơn nâu, số khung LXDXCLOY00733131; số máy LC150FMG00733131, xe cũ đã qua sử dụng, đề xử lý theo thẩm quyền.

*(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).*

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Đào Văn H phải chịu 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**4. Quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- THADS TP B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Nguyệt Thu**



























